

Số: 210/NĐCP-KHĐTVT  
V/v: Thư mời chào giá cung cấp vật tư

Cẩm Phả, ngày 13 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP đang có nhu cầu mua sắm vật tư phục vụ sản xuất.

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP kính mời Quý Công ty tham gia chào giá với nội dung như sau:

**I. Yêu cầu về hàng hóa**

**1. Thông tin về vật tư cần mua:**

- Tên đơn hàng: Giấy lọc dầu
- Số hiệu đơn hàng: 236/ĐH-NĐCP
- Chi tiết Đơn hàng (Theo bảng kê chi tiết đính kèm):

*Lưu ý: Trong quá trình chuẩn bị báo giá, nhà cung cấp phải khảo sát kỹ thông số kỹ thuật, tình trạng thiết bị của đơn hàng nhằm đảm bảo tính tương thích về môi trường, điều kiện vận hành, chất lượng hàng hóa phù hợp nhu cầu, đảm bảo hiệu quả sử dụng tại nhà máy.*

**2. Nội dung Hồ sơ chào giá:**

**a. Yêu cầu về tư cách, kinh nghiệm và năng lực của NCC**

- Đơn vị tham gia chào giá cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp (Có chứng thực trong vòng 06 tháng trở lại đây); Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có).

**b. Yêu cầu về thương mại:**

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại kho bên mua và đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước.
- Tiêu chí đánh giá về giá được áp dụng theo đơn giá thấp nhất và các tiêu chí khác theo *Bảng Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ báo giá cạnh tranh rút gọn* đính kèm.
- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 180 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu.
- Thời gian giao hàng: Trong vòng 28 ngày kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng.
- Thời gian thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 30 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A.

**c. Yêu cầu về hàng hóa**

- Hàng hóa phải mới 100%, sản xuất năm 2023 trở lại đây, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Hàng hóa, vật tư được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp, có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng như sau:

+ Đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam: Cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa. Cấp CQ hoặc các văn bản có giá trị tương đương của nhà sản xuất nếu hàng hóa có đơn giá từ 10 triệu đồng trở lên.

+ Đối với hàng hóa nhập khẩu có giá trị sau thuế từ 50 triệu đồng/ đơn giá từ 20 triệu đồng trở lên yêu cầu cấp CO, CQ.

*Ghi chú: CO: Giấy Chứng nhận xuất xứ do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho đơn vị nhập khẩu tại Việt Nam; CQ: Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất hoặc các văn bản có giá trị tương đương. Yêu cầu cấp bản công chứng dịch thuật tiếng Việt với các chứng từ không được viết bằng tiếng Việt. Trong trường hợp số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc kèm theo các chứng từ trên.*

- Bên mua có quyền mua một, một số hoặc tất cả các chủng loại vật tư thuộc Đơn hàng trên.

## **II. Hình thức tham gia và thời gian chào giá**

### **1. Hình thức chào giá**

- Bản chào giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

- Hồ sơ chào giá bao gồm: Đơn chào hàng, bảng chào giá (BCG - theo biểu mẫu đính kèm), Đăng ký kinh doanh (có chứng thực trong vòng 06 tháng trở lại đây), tài liệu chứng minh hàng tương đương (nếu có).

- Ngôn ngữ trong chào giá: Hồ sơ chào giá cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá được trao đổi giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

- Hình thức nộp Hồ sơ chào giá: Báo giá được đóng trong phong bì kín có niêm phong của nhà cung cấp, bên ngoài phong bì ghi rõ nội dung: **Bản chào giá theo thư mời số 210/NĐCP-KHĐTVT ngày 13/01/2025**, được gửi chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau (*Bên mời chào giá chỉ tiếp nhận những hồ sơ chào giá đảm bảo nội dung này*):

- Phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư - Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.
- Địa chỉ: Tổ 4, khu 4A, phường Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 02033 734 900
- Cán bộ phụ trách: Phạm Thị Tuyết; Điện thoại: 0936 825 989

### **2. Thời gian chào giá.**

- Thời gian nhận bản chào giá chậm nhất vào 08 giờ 00' ngày 21/01/2024.
- Thời gian và địa điểm mở bản chào giá vào lúc vào 09 giờ 00' ngày 21/01/2024 tại trụ sở Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV.

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP mời các nhà cung cấp đã nộp BCG chứng kiến và xác nhận việc mở BCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở BCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp.

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của quý đơn vị.

Trân trọng./.



**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc (B/c)
- Trang Web TKV (đăng tải);
- Trang Web ĐLTKV (đăng tải);
- Tổ tư vấn LCNCC;
- Phòng KH-ĐT-VT;
- Lưu Văn thư, PTT(1).

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Vũ Hoàng Lân**



**Bảng kê chi tiết đơn hàng**  
**(Đính kèm thư mời chào giá số 210/NĐCP-KHĐTVT ngày 13 tháng 01 năm 2025)**

| STT | Tên vật tư   | Quy cách – Thông số kỹ thuật | Hãng/ nước sản xuất | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------|------------------------------|---------------------|-----|----------|---------|
| 1.  | Giấy lọc dầu | KT: 650x650mm                |                     | Tờ  | 5.000    |         |

**Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ báo giá cạnh tranh rút gọn**  
(Đính kèm Thư mời chào giá số 210/NĐCP-KHĐTVT ngày 13/01/2025)

| STT | Các tiêu chí đánh giá                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                        |           | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|
|     | Nội dung                                                                     | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                | Kết luận  |         |
| 1.  | Tên vật tư, quy cách và tính hợp lệ của hàng hóa tương đương                 | - Đáp ứng đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật<br>- Tài liệu kỹ thuật hàng tương đương/ thay thế; Văn bản xác nhận tương đương của hãng sản xuất; Bảng so sánh thông số kỹ thuật nếu chào giá bằng hàng tương đương/ thay thế<br>- | Đạt       |         |
|     |                                                                              | Không đáp ứng yêu cầu trên                                                                                                                                                                                                                             | Không đạt |         |
| 2.  | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | Bản sao được chứng thực (Có hiệu lực trong vòng 06 tháng trở lại đây)                                                                                                                                                                                  | Đạt       |         |
|     |                                                                              | Bản photocopy không có chứng thực                                                                                                                                                                                                                      | Không đạt |         |
| 3.  | Thư chào hàng và biểu giá chào hàng                                          | - Do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký<br>- Chào giá toàn bộ đơn hàng theo thư mời                                                                                                                                                                 | Đạt       |         |
|     |                                                                              | - Không do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký<br>- Không chào giá toàn bộ đơn hàng theo thư mời                                                                                                                                                     | Không đạt |         |
| 4.  | Hiệu lực của Bản chào giá                                                    | ≥ 180 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá                                                                                                                                                                                                  | Đạt       |         |
|     |                                                                              | Không đáp ứng yêu cầu trên                                                                                                                                                                                                                             | Không đạt |         |
| 5.  | Thời gian thanh toán                                                         | - Thanh toán trong vòng 30 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A ; Hoặc theo hợp đồng được thỏa thuận và ký kết giữa hai bên<br>- Không tạm ứng hợp đồng                            | Đạt       |         |
|     |                                                                              | Tạm ứng hợp đồng hoặc không đáp ứng yêu cầu trên                                                                                                                                                                                                       | Không đạt |         |
| 6.  | Thời gian giao hàng (tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực)                      | Trong vòng 28 ngày                                                                                                                                                                                                                                     | Đạt       |         |
|     |                                                                              | Không đáp ứng yêu cầu trên                                                                                                                                                                                                                             | Không đạt |         |
| 7.  | Địa điểm giao hàng                                                           | Tại kho vật tư bên mua                                                                                                                                                                                                                                 | Đạt       |         |
|     |                                                                              | Không giao hàng tại kho bên mua                                                                                                                                                                                                                        | Không đạt |         |
| 8.  | Năm sản xuất hàng hóa                                                        | Sản xuất năm 2023 trở lại đây                                                                                                                                                                                                                          | Đạt       |         |
|     |                                                                              | Không đáp ứng yêu cầu trên                                                                                                                                                                                                                             | Không đạt |         |

| STT | Các tiêu chí đánh giá        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |           | Ghi chú |
|-----|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|
|     | Nội dung                     | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Kết luận  |         |
| 9.  | Chứng từ thanh toán kèm theo | <p>+ Đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam: Cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa. Cấp CQ hoặc các văn bản có giá trị tương đương của nhà sản xuất nếu hàng hóa có đơn giá từ 10 triệu đồng trở lên.</p> <p>+ Đối với hàng hóa nhập khẩu có giá trị sau thuế từ 50 triệu đồng/ đơn giá từ 20 triệu đồng trở lên yêu cầu cấp CO, CQ.</p> <p><i>Ghi chú: CO: Giấy Chứng nhận xuất xứ do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho đơn vị nhập khẩu tại Việt Nam; CQ: Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất hoặc các văn bản có giá trị tương đương. Yêu cầu cấp bản công chứng dịch thuật tiếng Việt với các chứng từ không được viết bằng tiếng Việt. Trong trường hợp số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc kèm theo các chứng từ trên.</i></p> | Đạt       |         |
|     |                              | Không đáp ứng yêu cầu trên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Không đạt |         |

## BIỂU MẪU BẢN CHÀO GIÁ

### ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: ..... (Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)

Tên đơn hàng: ..... (Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Số hiệu đơn hàng: ..... (Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Kính gửi: Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực – CTCP

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá (TMCG) số hiệu ..... mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,.....(Ghi tên Nhà cung cấp), cam kết thực hiện đơn hàng ..... (Ghi tên và số hiệu đơn hàng) theo đúng yêu cầu của TMCG với tổng số tiền là ..... (Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền) cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng .....(Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của TMCG).

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ chào giá là trung thực. Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các quy định trong TMCG số .....(Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá).
4. Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian .....ngày (Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu), kể từ ngày .....(Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu)

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**  
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

/// 2010 (Thy: //

BẢNG GIÁ CHÀO CỬA HÀNG HÓA

Ngày: ..... (Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)  
Tên đơn hàng: ..... (Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)  
Số hiệu đơn hàng: ..... (Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)

| Số TT<br>(Theo thứ mời) | Tên vật tư, hàng hóa | Quý cách – Thông số kỹ thuật |          | Đơn vị tính | Hãng/ nước sản xuất |                                             | Số lượng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền thuế (VNĐ) | Thuế GTGT (VNĐ) |      | Thành tiền sau thuế (VNĐ) | Ghi chú |
|-------------------------|----------------------|------------------------------|----------|-------------|---------------------|---------------------------------------------|----------|---------------|-----------------------|-----------------|------|---------------------------|---------|
|                         |                      | Theo thư mời                 | Chào giá |             | Theo thư mời        | Chào giá (ghi đầy đủ hãng và nước sản xuất) |          |               |                       | 8%              | 10%  |                           |         |
| (1)                     | (2)                  | (3)                          | (4)      | (5)         | (6)                 | (7)                                         | (8)      | (9)           | (10)                  | (11)            | (12) | (13)                      | (14)    |
| 1                       | Hàng hóa thứ nhất.   | ....                         | ....     | ....        | ....                | ....                                        | ....     | ....          | ....                  | ....            | .... | ....                      |         |
| 2                       | Hàng hóa thứ nhất.   | ....                         | ....     | ....        | ....                | ....                                        | ....     | ....          | ....                  | ....            | .... | ....                      |         |
| n                       | Hàng hóa thứ n       | ....                         | ....     | ....        | ....                | ....                                        | ....     | ....          | ....                  | ....            | .... | ....                      |         |
| Tổng giá trị            |                      |                              |          |             |                     |                                             |          |               |                       |                 |      |                           |         |

1. Giao hàng:

- a) Thời gian giao hàng:  
b) Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam  
c) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa:.....

2. Thanh toán:

3. Hàng hóa

- Chất lượng: Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.  
- Hàng hóa được sản xuất năm ..... (trở lại đây)  
- Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng: ..... (Nhà cung cấp ghi rõ tên các loại giấy tờ).

4. Bảo hành (nếu có):

5. Hồ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàn (nếu có):

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp  
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

(Ghi chú: ở cột số (11); (12): Nhà cung cấp ghi giá trị thuế GTGT bằng tiền VNĐ ở cột áp dụng thuế suất tương ứng với hàng hóa)